

**KẾT QUẢ VÒNG 1 CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL JUNIOR 2015
(TOEFL JUNIOR CHALLENGE 2015)**

Sắp xếp theo Phòng Giáo dục

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: ĐÀ NẴNG

Tổng số thí sinh tham dự: 631

Tổng số thí sinh được vào vòng 2: 564

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1	Lương Đức	Anh	29-May-01	51900033	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
2	Trần Lê Uyển	Nhi	10-Apr-01	51900045	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
3	Lê Thị Minh	Hương	22-Feb-03	51900121	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
4	Lê Đức Thiên	Hà	12-Oct-01	51900034	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
5	Nguyễn Bảo	Khánh	19-Feb-01	51900039	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
6	Đặng Nguyên	Khôi	1-Jul-01	51900040	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
7	Tô Hoàng Khánh	Linh	9-Jul-01	51900042	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
8	Lê Ngọc Bảo	Trân	26-Feb-02	51900150	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
9	Hồ Khánh	Uyên	3-Nov-02	51900151	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
10	Đoàn Ngọc Mai	Lan	24-Oct-03	51900175	7	7/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
11	Nguyễn An	Khánh	16-Apr-03	51900188	7	7/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
12	Hoàng Đình Tuấn	Anh	13-Jan-03	51900257	7	7/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
13	Dương Tôn Huy	Ngân	25-Aug-01	51900043	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
14	Phan Đăng Khôi	Nguyên	3-Sep-01	51900044	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
15	Lê Văn	Vỹ	28-Jun-02	51900093	8	8/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
16	Nguyễn Thảo	Hân	12-Jun-01	51900097	9	9/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
17	Lê Trần Bảo	Ngọc	6-Apr-01	51900102	9	9/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
18	Trần Nguyễn Linh	Đan	16-Sep-02	51900135	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
19	Nguyễn Trần Uyên	Nhi	15-Jan-02	51900146	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
20	Nguyễn Tú	Thành	5-Feb-02	51900204	8	8/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
21	Trần Thị Yến	Nhi	27-Feb-01	51900205	9	9/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
22	Hồ Lê Minh	Diệp	30-Dec-03	51900007	7	7/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
23	Nguyễn Thanh	Thảo	9-Aug-02	51900029	8	8/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
24	Phan Trúc	Hải	24-Jul-01	51900035	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
25	Đoàn Gia	Hỷ	29-Nov-01	51900037	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
26	Phạm Huyền	Vy	2-Mar-01	51900047	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
27	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	28-Aug-03	51900072	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
28	Nguyễn Vân	Khanh	22-Mar-03	51900075	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
29	Trần Phú	Thức	1-Jan-02	51900089	8	8/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
30	Nguyễn Hồng Phúc	Nguyên	22-Dec-02	51900203	8	8/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
31	Phạm Hà	Trang	25-Apr-03	51900235	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
32	Lê Thị Phương	Dung	13-Dec-01	51900271	9	9/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
33	Trần Thục	Uyên	6-Dec-01	51900046	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
34	Trương Minh	Đức	27-Feb-02	51900083	8	8/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
35	Phạm Châu	Giang	13-Jun-01	51900095	9	9/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
36	Nguyễn Thị Hàn	Hương	29-Jun-01	51900098	9	9/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
37	Bùi Hậu	Giang	12-Mar-02	51900136	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
38	Trần Văn Quốc	Nguyên	27-May-02	51900144	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
39	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12-Mar-02	51900208	8	8/6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
40	Hoàng Gia	Bảo	6-Dec-02	51900017	8	8/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
41	Nguyễn Vinh	Điềm	27-Oct-02	51900018	8	8/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
42	Lê Trần Khánh	Lâm	4-Feb-02	51900086	8	8/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
43	Ông Hồng Lan	Anh	15-May-01	51900094	9	9/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
44	Phan Quang	Minh	6-Jun-04	51900111	6	6/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
45	Lê Ngọc Ngân	Giang	29-Mar-02	51900137	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
46	Trần Ngọc Trà	My	26-Jan-02	51900141	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
47	Nguyễn Thiên	Ngân	7-Jun-02	51900142	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
48	Phan Thị Hạnh	Nguyên	26-Dec-02	51900143	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
49	Ngô Thành	Nhân	3-Mar-02	51900145	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
50	Lê Văn Bảo	Tịnh	5-Aug-02	51900149	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
51	Huỳnh Ngọc Bảo	Khánh	8-Aug-03	51900189	7	7/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
52	Trịnh Hoàng	Nam	15-Nov-02	51900201	8	8/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
53	Bùi Quỳnh	Thi	6-Jan-01	51900206	9	9/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
54	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	7-Feb-01	51900210	9	9/6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
55	Nguyễn Lê Hoàng	Ly	19-Jan-03	51900228	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
56	Vũ Thị Như	Ý	9-Mar-01	51900272	9	9/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
57	Nguyễn Phước Thảo	Nguyên	25-Sep-03	51900011	7	7/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
58	Phan Nguyên	Hưng	13-Jun-02	51900020	8	8/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
59	Mai Võ Minh	Châu	17-Jan-04	51900050	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
60	Đào Gia Thiên	Phúc	1-Mar-02	51900088	8	8/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
61	Võ Duy Toàn	Châu	6-Jul-04	51900105	6	6/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
62	Trần Đức	Thắng	20-Apr-03	51900130	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
63	Lê Hồng	Lĩnh	18-Jun-02	51900200	8	8/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
64	Lê Nguyễn Ngọc	Quỳnh	1-Mar-03	51900264	7	7/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
65	Lê Phú Quang	Khánh	1-Feb-02	51900022	8	8/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
66	Quách Uyên	Hiếu	18-Apr-01	51900036	9	9/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
67	Thái Nguyên	Anh	10-Jun-03	51900071	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
68	Mai Nguyễn Trung	Kiên	20-Apr-03	51900076	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
69	Nguyễn Hoàng	Nhi	21-Jun-04	51900112	6	6/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
70	Nguyễn Hải	Duyên	1-Jan-03	51900118	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
71	Võ Ngọc Yến	Nhi	8-Apr-02	51900147	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
72	Phan Văn	Trí	26-May-01	51900207	9	9/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
73	Ông Trần Bảo	Trân	15-May-03	51900014	7	7/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
74	Nguyễn Anh	Tú	1-Nov-03	51900015	7	7/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
75	Mai Thị Ngọc	Vân	23-Aug-02	51900031	8	8/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
76	Hồ Khánh	Linh	20-Mar-04	51900059	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
77	Nguyễn Thị Khánh	Vân	10-May-02	51900092	8	8/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
78	Lê Thanh	Minh	8-Jan-03	51900124	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
79	Võ Đại Song	Toàn	3-Apr-03	51900132	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
80	Võ Anh	Thư	12-Oct-03	51900178	7	7/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
81	Trần Bảo	Ngọc	25-Jun-03	51900190	7	7/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
82	Phan Đặng Thy	Nga	11-Mar-01	51900211	9	9/6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
83	Trần Vũ Khánh	Quỳnh	8-Jul-03	51900012	7	7/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
84	Ngô Thành	Nhân	14-Feb-04	51900066	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
85	Phạm Trần Bảo	Uyên	2-Aug-03	51900082	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
86	Lê Trọng	Nhân	13-Oct-02	51900087	8	8/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
87	Ngô Huỳnh Quốc	Tuấn	19-Oct-02	51900091	8	8/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
88	Nguyễn Đức	Hoàng	16-Jul-02	51900138	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
89	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	22-Sep-03	51900234	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
90	Phan Lê Ý	Nhi	27-Jun-02	51900241	8	8/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
91	Phan Thị Phương	Thảo	11-Apr-03	51900013	7	7/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
92	Lê Thị Minh	Tuyền	2-Aug-03	51900081	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
93	Đào Ngân	Tranh	9-Mar-03	51900133	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
94	Nguyễn Lê Tâm	Mẫn	30-Jan-03	51900176	7	7/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
95	Đoàn Ngọc Mai	Lâm	27-Dec-02	51900199	8	8/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
96	Phan Lê Kim	Ngân	11-Aug-02	51900202	8	8/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
97	Phạm Bùi Quốc	Quyền	28-Apr-02	51900242	8	8/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
98	Đoàn Trương Gia	Khánh	13-Apr-03	51900259	7	7/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
99	Đỗ Hoàng	Phúc	27-Feb-03	51900263	7	7/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
100	Nguyễn Lê Minh	Bảo	30-May-04	51900049	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
101	Võ	Hoàng	14-Mar-04	51900055	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
102	Bùi Thị Ái	Linh	7-Dec-03	51900077	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
103	Lê Phan Khánh	Hân	29-Apr-03	51900120	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
104	Huỳnh Đức Anh	Thanh	10-Mar-03	51900131	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
105	Đỗ Minh	Huy	28-Oct-02	51900139	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
106	Tôn Thất Minh	Huy	26-Aug-03	51900174	7	7/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
107	Đặng Khánh	Ly	4-Mar-02	51900238	8	8/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
108	Lê Anh	Khôi	30-Apr-04	51900058	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
109	Lê Nguyễn Uyên	Nhi	14-Jul-04	51900068	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
110	Ngô Anh	Tú	12-Oct-03	51900080	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
111	Phạm Thị Thanh	Tuyền	13-Jul-04	51900116	6	6/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
112	Phí Hạnh	Nguyên	16-Jul-03	51900191	7	7/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
113	Võ Dương Thanh	Hiền	29-Jan-03	51900224	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
114	Lương Lê	Tài	22-Nov-03	51900232	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
115	Võ Hoàng Trúc	Vy	27-Sep-03	51900236	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
116	Huỳnh Đức Anh	Bảo	11-Mar-02	51900134	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
117	Ngô Tấn	Phát	23-Jan-02	51900148	8	8/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
118	Nguyễn Phú Hoàng	Long	4-Feb-04	51900159	6	6/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
119	Hứa Lê Anh	Vũ	9-Dec-03	51900267	7	7/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
120	Nguyễn Phú Thành	Đạt	30-Mar-02	51900268	8	8/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
121	Nguyễn Phương Nhật	Hằng	10-Oct-04	51900002	6	6/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
122	Đào Xuân	Nguyên	8-May-04	51900065	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
123	Nguyễn Lê Đăng	Thành	1-Jan-04	51900114	6	6/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
124	Đào Xuân	Huy	10-Aug-03	51900225	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
125	Trần Lê	Minh	1-May-03	51900229	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
126	Huỳnh Thị Mỹ	Cơ	23-Jan-01	51900270	9	9/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
127	Nguyễn Phan Khánh	Huyền	9-Jun-03	51901100			THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
128	Lê Anh	Khoa	10-Apr-04	51900057	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
129	Lê Phương Linh	Nhi	3-Mar-04	51900067	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
130	Nguyễn Phan Thùy	Như	9-May-03	51900126	7	7/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
131	Trần Ngọc Nam	An	25-Jun-04	51900153	6	6/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
132	Hà Bảo	Khanh	3-Apr-04	51900184	6	6/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
133	Thân Hoàng Thy	Thơ	24-Jun-03	51900194	7	7/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
134	Nguyễn Trần Hà	Thương	25-Jan-03	51900195	7	7/5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
135	Hoàng Bảo Mỹ	Hiền	19-Nov-04	51900251	6	6/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
136	Nguyễn Công	Huy	19-Nov-04	51900253	6	6/8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
137	Đỗ Hữu	Dũng	26-Nov-04	51900051	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
138	Hoàng Kim	Ngân	29-Sep-04	51900062	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
139	Phan Đan	Thy	29-Sep-03	51900079	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
140	Nguyễn Thị Thúy	Vy	5-Jul-04	51900171	6	6/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
141	Lê Trung	Huy	19-Apr-04	51900056	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
142	Phạm Nguyễn Huy	Minh	9-Oct-04	51900061	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
143	Lê Tuấn	Kiệt	21-Oct-04	51900109	6	6/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
144	Phan Trần Trà	My	5-Mar-04	51900161	6	6/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
145	Nguyễn Hữu	Tuấn	3-Sep-04	51900221	6	6/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
146	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19-Oct-03	51900222	7	7/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
147	Nguyễn Văn	Duy	15-Jun-04	51900001	6	6/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
148	Hà Thị Ánh	Mai	25-Jan-04	51900004	6	6/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
149	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	17-Dec-04	51900005	6	6/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
150	Đặng Ngọc Thảo	Vy	10-Nov-04	51900006	6	6/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
151	Võ Quang	Huy	2-Sep-03	51900010	7	7/1	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
152	Nguyễn Thanh	Hà	20-Jan-04	51900052	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
153	Lê Trần Sao	Mai	15-Mar-04	51900060	6	6/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
154	Lê Nguyễn Ngọc	Hương	3-Dec-03	51900074	7	7/2	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
155	Lê Công Quốc	Hân	27-Sep-04	51900107	6	6/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
156	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	22-Jun-04	51900115	6	6/3	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
157	Lê Tuấn	Kiệt	27-Jan-04	51900157	6	6/4	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
158	Nguyễn Vũ Hoàng	Long	28-Jul-04	51900217	6	6/7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
159	Nguyễn Thị Hoài	Minh	29-Aug-03	51901101			THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ
160	Đặng Xuân	Bách	26-Jan-03	51900346	7	7/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
161	Mai Diệu	Minh	29-May-01	51900596	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
162	Hoàng Tùng	Quân	15-Aug-02	51900946	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
163	Hoàng Lan	Chi	2-Mar-02	51900295	8	8/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
164	Đoàn Thanh	Hải	3-Apr-02	51900356	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
165	Nguyễn Vũ Minh	Châu	1-Dec-00	51900463	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
166	Đặng Khanh	Duyên	6-Apr-01	51900466	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
167	Phạm Nguyễn Nguyên	Nhi	1-Mar-02	51900806	8	8/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
168	Nguyễn Lê Phước	Đạt	21-Nov-02	51900836	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
169	Cao Nguyễn Anh	Huy	25-Feb-02	51900840	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
170	Huỳnh Trọng	Hiếu	9-May-02	51900860	8	8/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
171	Nguyễn Hồng	Nhung	25-Jan-02	51900945	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
172	Hồ Duy	Anh	21-Jan-01	51900304	9	9/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
173	Nguyễn Thị Yến	Nhi	5-Jun-03	51900328	7	7/1	THCS Lê Hồng Phong	Hải Châu
174	Võ Anh	Thy	30-Jan-04	51900342	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
175	Nguyễn Thảo	Vy	26-Aug-02	51900428	8	8/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
176	Nguyễn Thị Khánh	Nguyên	25-May-00	51900430	9	9/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
177	Tô Thảo	Nhi	9-Apr-01	51900600	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
178	Lưu Ngọc Bảo	Trang	26-Jan-01	51900607	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
179	Nguyễn Đỗ Khải	Nguyên	29-Oct-02	51900944	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
180	Lê Văn Minh	Tuấn	11-Apr-02	51900950	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
181	Bạch Ngọc Bảo	Trân	1-Jun-01	51900311	9	9/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
182	Nguyễn Văn Gia	Bảo	12-Jan-04	51900313	6	6/3	THCS Kim Đồng	Hải Châu
183	Võ Việt	Hoàng	15-Jun-02	51900357	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
184	Võ Mai	Khanh	5-Jun-02	51900363	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
185	Nguyễn Xuân	Nam	4-Feb-02	51900367	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
186	Nguyễn Thị Minh	Trang	4-Jul-01	51900488	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
187	Đặng Thị Việt	Trung	27-Jun-01	51900489	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
188	Nguyễn Trọng Châu	Tuệ	21-Sep-03	51900580	7	7/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
189	Trần Nguyễn Hoàng	Huy	24-Dec-03	51900647	7	7/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
190	Huỳnh Tấn Anh	Kiệt	3-Sep-02	51900681	8	8/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
191	Nguyễn Lê Nhật	An	30-Mar-02	51900796	8	8/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
192	Nguyễn Thu Hải	Đường	2-Oct-02	51900838	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
193	Nguyễn Trần Duy	Khang	14-Mar-02	51900841	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
194	Huỳnh Thị Thanh	Vân	5-Sep-02	51900994	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
195	Huỳnh Đình Hoàng	Nam	16-Dec-01	51901012	9	9/7	THCS Trưng Vương	Hải Châu
196	Lê Thị Thanh	Phương	4-Nov-02	51900372	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
197	Lê Thị Thảo	Nguyên	11-Oct-02	51900459	8	8/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
198	Trần Minh	Phương	10-Feb-03	51900675	7	7/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
199	Lê Gia Bảo	Hân	17-Apr-01	51900767	9	9/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
200	Bùi Châu Minh	Ngân	10-Jan-02	51900845	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
201	Nguyễn Hoàng	Nguyên	14-May-03	51900970	7	7/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
202	Mai Duy	Anh	15-May-02	51900980	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
203	Huỳnh Ngọc Nguyên	Cát	20-Jan-03	51900283	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
204	Đinh Thị Phương	Hằng	11-Jun-03	51900286	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
205	Trần Việt	Khuê	24-Sep-02	51900364	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
206	Trần Đỗ Khánh	Nguyên	20-May-02	51900369	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
207	Võ Thị Hoàng	Anh	16-Feb-02	51900399	8	8/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
208	Nguyễn Phan Hiếu	Kiên	18-Dec-02	51900408	8	8/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
209	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	1-Sep-03	51900446	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
210	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	6-Feb-03	51900512	7	7/5	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
211	Thái Trương Phúc	Lâm	19-Aug-03	51900577	7	7/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
212	Trương Thị Minh	Nguyệt	31-Mar-01	51900598	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
213	Phạm Đình Minh	Nhật	4-Feb-01	51900599	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
214	Dương Vân	San	25-Dec-01	51900604	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
215	Trần Hoàng Xuân	Giao	27-Dec-03	51900623	7	7/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
216	Nguyễn Trâm Thiên	Ân	12-Aug-01	51900760	9	9/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
217	Trần Công Minh	Quân	16-Dec-02	51900821	8	8/10	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
218	Văn Ngọc	Lân	1-Jun-02	51900842	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
219	Trương Nhật	Khoa	4-Jan-04	51900912	6	6/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
220	Trần Khánh	Ngọc	5-Sep-03	51900928	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
221	Nguyễn Trần Trúc	Vy	10-Jun-02	51900952	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
222	Lê Gia	Bảo	1-Jun-03	51900963	7	7/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
223	Hồ Thị Khánh	Hiền	1-Sep-03	51901103	7		THCS Kim Đồng	Hải Châu
224	Nguyễn Thanh	Vinh	19-Jan-03	51901105	7		THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
225	Mai Ngọc	Thịnh	3-Dec-01	51900310	9	9/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
226	Nguyễn Lâm Thục	Nhi	10-Dec-04	51900339	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
227	Đặng Thị Thục	Quyên	30-Jun-01	51900480	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
228	Lê Ngọc Phú	Thiên	6-Nov-01	51900484	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
229	Nguyễn Hương	Giang	21-May-01	51900765	9	9/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
230	Nguyễn Minh	Huy	24-Jul-02	51900818	8	8/10	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
231	Nguyễn Đức	Thịnh	24-May-04	51900918	6	6/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
232	Đỗ Trọng	Khang	7-Jun-02	51900941	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
233	Trương Mai Quốc	Bảo	21-Apr-02	51900982	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
234	Phan Hồ Yến	Ngân	9-Oct-02	51900986	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
235	Nguyễn An	Duyên	5-Jan-02	51900998	8	8/3	THCS Trưng Vương	Hải Châu
236	Lê Nguyên	Thảo	12-Nov-03	51901104	7		THCS Kim Đồng	Hải Châu
237	Trương Phạm Minh	Nhân	2-Dec-01	51900306	9	9/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
238	Trần Minh	Thy	20-Sep-02	51900377	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
239	Phạm Nguyễn bảo	Trân	24-Aug-02	51900378	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
240	Võ Thanh Hà	Uyên	26-Oct-02	51900426	8	8/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
241	Nguyễn Trương Viễn	Phương	7-Jun-03	51900448	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
242	Nguyễn Tùng	Chi	1-Nov-01	51900531	9	9/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
243	Trần Thị Phương	Trinh	18-May-01	51900556	9	9/9	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
244	Nguyễn Duy	Phúc	7-Jan-04	51900569	6	6/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
245	Đào Ngọc Xuân	Vy	26-May-01	51900608	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
246	Trần Thanh	Huân	29-Oct-04	51900872	6	6/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
247	Nguyễn Thanh	Tiến	22-Feb-04	51900895	6	6/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
248	Lê Thùy	Linh	8-May-02	51900942	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
249	Võ Hoàng Minh	Phương	29-Jun-03	51900291	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
250	Nguyễn Thị Như	Tâm	9-Feb-02	51900301	8	8/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
251	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	3-Apr-01	51900308	9	9/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
252	Hồ Việt	Trung	30-Sep-02	51900379	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
253	Nguyễn Thanh	Vân	27-Nov-02	51900380	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
254	Trần Vân	Khanh	24-Feb-03	51900388	7	7/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
255	Trần Hoàng	Linh	6-Jun-02	51900410	8	8/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
256	Lê Anh	Thư	28-Mar-01	51900431	9	9/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
257	Lê Huy	Giang	3-Dec-03	51900437	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
258	Hồ Nhân Đan	Hạ	25-Jun-03	51900438	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
259	Đỗ Bá Khánh	Huy	24-Dec-03	51900440	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
260	Phan Lê Diễm	Quỳnh	6-Aug-01	51900602	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
261	Trần Phương	Khánh	8-May-03	51900626	7	7/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
262	Lê Thị Hà	Khánh	5-Nov-03	51900627	7	7/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
263	Phạm Minh	Hà	11-Jul-03	51900644	7	7/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
264	Trần Nguyễn Gia	Huân	22-Oct-03	51900645	7	7/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
265	Đình Gia	Bảo	10-May-02	51900700	8	8/5	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
266	Phan Minh	Huy	19-Apr-03	51900727	7	7/6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
267	Lê Ngọc Bảo	Châu	23-Jun-03	51900747	7	7/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
268	Đào Đoàn Ngọc	Minh	8-Feb-03	51900752	7	7/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
269	Nguyễn Hà	Phương	28-Dec-03	51900756	7	7/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
270	Lê Thảo	Uyên	21-Sep-02	51900823	8	8/10	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
271	Đặng Bảo	Tâm	16-Nov-03	51900831	7	7/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
272	Phan Minh	Đạt	20-Aug-02	51900837	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
273	Huỳnh Nhật	Nam	1-Mar-02	51900844	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
274	Nguyễn Thanh	Nhân	11-Apr-02	51900864	8	8/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
275	Phạm Hồ Xuân	Vy	2-Aug-02	51900869	8	8/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
276	Bùi Thành	Nhân	21-Feb-01	51900882	9	9/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
277	Lê Thị Cẩm	Tú	11-Dec-01	51900885	9	9/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
278	Nguyễn Hoàng	Anh	1-Dec-04	51900910	6	6/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
279	Lê Linh	Đan	28-Jan-03	51900920	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
280	Huỳnh Kim	Quang	27-Mar-03	51900931	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
281	Vũ Hoàng Minh	Anh	13-Jul-02	51900981	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
282	Nguyễn Đức Minh	Huy	6-Dec-02	51900983	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
283	Nguyễn Khánh	Trang	23-Sep-02	51900990	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
284	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	7-Jan-02	51901016	8	8/8	THCS Trưng Vương	Hải Châu
285	Phan Tấn Thành	Nghĩa	10-Feb-04	51900277	6	6/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
286	Hồ Ngọc Lam	Vy	11-Jul-02	51900323	8	8/3	THCS Kim Đồng	Hải Châu
287	Lê Hoàng	Phước	20-Feb-02	51900637	8	8/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
288	Nguyễn Hà Uyên	Thi	7-Jul-04	51900643	6	6/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
289	Mai Đình	Khôi	13-Apr-03	51900648	7	7/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
290	Trương Nguyễn Hoàng	My	24-Sep-03	51900649	7	7/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
291	Lê Trung	Quân	8-Jan-03	51900656	7	7/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
292	Ngô Phương	Minh	10-Dec-04	51900739	6	6/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
293	Nguyễn Ái Hồng	Ân	30-Jan-01	51900761	9	9/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
294	Phạm Minh	Châu	23-Apr-01	51900763	9	9/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
295	Phan Lê Khôi	Nguyên	28-Oct-02	51900804	8	8/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
296	Hoàng Phúc Lan	Phương	15-Nov-03	51900830	7	7/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
297	Bùi Hoàng Bảo	Quyên	20-Mar-02	51900903	8	8/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
298	Lê Nguyễn Anh	Tú	18-Dec-03	51900937	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
299	Nguyễn Hoàng	Long	27-May-02	51900943	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
300	Phạm Nguyễn Hồng	Phúc	5-Jul-02	51901007	8	8/6	THCS Trưng Vương	Hải Châu
301	Lê Việt	Hoàng	20-Oct-04	51900274	6	6/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
302	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	8-Sep-04	51900314	6	6/3	THCS Kim Đồng	Hải Châu
303	Nguyễn Trọng	Phúc	3-Jan-04	51900340	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
304	Phan Thị Thúy	Vân	12-Jan-03	51900457	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
305	Nguyễn Lê Nhật	Khanh	10-Feb-01	51900471	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
306	Hà Thu	Uyên	24-Apr-01	51900490	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
307	Lê Hoàng	Hiếu	23-Oct-04	51900520	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
308	Lê Nguyễn Mai	Hương	5-Feb-01	51900555	9	9/9	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
309	Hoàng Thị Ngọc	Thảo	10-Mar-04	51900570	6	6/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
310	Trần Ngọc Anh	Kiệt	16-Jan-02	51900780	8	8/8	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
311	Nguyễn Ngọc	Bách	22-Oct-02	51900835	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
312	Dương Anh	Quân	14-Jun-04	51900916	6	6/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
313	Nguyễn Đặng Thanh	Thảo	30-Sep-04	51900917	6	6/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
314	Ngô Phạm Hà	Giang	23-Jan-02	51900940	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
315	Phạm Minh	Thanh	8-Jul-02	51900989	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
316	Lê Thy	Khuê	14-Feb-04	51901002	6	6/4	THCS Trưng Vương	Hải Châu
317	Nguyễn Đăng	Khoa	13-Jul-04	51900275	6	6/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
318	Nguyễn Cửu Nhật	Uyên	26-May-04	51900280	6	6/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
319	Hồ Nguyễn Uyên	Nhi	14-May-03	51900290	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
320	Kỳ Đỗ Hồng	Uyên	25-May-02	51900303	8	8/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
321	Đoàn Uyển	Nhi	10-Dec-01	51900307	9	9/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
322	Nguyễn Hà	Nguyên	6-Dec-04	51900338	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
323	Phạm Hoàng	Phúc	4-Nov-04	51900341	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
324	Nguyễn Hữu Vi	Thư	30-Apr-02	51900376	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
325	Nguyễn Lê Minh	Huy	5-Oct-02	51900404	8	8/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
326	Nguyễn Võ Thục	Khanh	15-May-02	51900407	8	8/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
327	Phan Khánh	Toàn	6-Aug-01	51900486	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
328	Lê Phạm Thu	Ngân	8-Aug-01	51900597	9	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
329	Lê Tiến	Quân	22-Jun-04	51900615	6	6/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
330	Huỳnh Ngô Gia	Hưng	26-Aug-03	51900624	7	7/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
331	Ngô Gia Bảo	Ngọc	28-Oct-03	51900654	7	7/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
332	Phan Hoàng Nhã	Quyên	13-Dec-03	51900676	7	7/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
333	Trương Nguyễn Thảo	Nhi	22-Mar-02	51900805	8	8/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
334	Nguyễn Thanh	Trà	10-Oct-03	51900832	7	7/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
335	Nguyễn Minh	Trí	3-May-04	51900961	6	6/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
336	Phạm Minh	Tâm	8-Jul-02	51900988	8	8/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
337	Đặng Anh	Khoa	19-Jun-04	51900315	6	6/3	THCS Kim Đồng	Hải Châu
338	Nguyễn Nho Song	Hoàng	24-Sep-02	51900358	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
339	Đỗ Quốc	Đạt	12-Jan-04	51900548	6	6/9	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
340	Võ Văn Xuân	Trường	18-Dec-04	51900563	6	6/10	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
341	Lương Nguyễn Y	Nhiên	7-Sep-04	51900614	6	6/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
342	Phan Kế Vĩnh	Hưng	8-Apr-03	51900671	7	7/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
343	Bùi Ý	Nhi	6-Nov-04	51900718	6	6/6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
344	Nguyễn Văn Tuấn	Nghĩa	21-Jan-02	51900819	8	8/10	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
345	Nguyễn Đỗ Minh	Anh	10-Mar-03	51900919	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
346	Nguyễn Đức Anh	Thư	28-Nov-02	51900947	8	8/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
347	Bùi Tú	Uyên	2-Sep-03	51900977	7	7/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
348	Lê Trần Gia	Minh	17-Nov-04	51900276	6	6/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
349	Nguyễn Đức Châu	Anh	30-Apr-03	51900282	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
350	Đỗ Văn	Huyền	17-Feb-03	51900287	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
351	Lưu Nguyễn Ngọc	Nhi	22-Feb-04	51900317	6	6/3	THCS Kim Đồng	Hải Châu
352	Nguyễn Võ Duệ	Nhã	2-Mar-02	51900321	8	8/3	THCS Kim Đồng	Hải Châu
353	Nguyễn Thiên	Ân	6-May-03	51900324	7	7/5	THCS Kim Đồng	Hải Châu
354	Nguyễn Thị Hạ	Uyên	19-Jul-04	51900343	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
355	Lê Thị Minh	Khuê	7-Oct-02	51900365	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
356	Lê Nguyễn Tường	Vy	17-Oct-02	51900381	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
357	Phan Võ Uyên	Nhi	8-Oct-03	51900391	7	7/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
358	Huỳnh Dạ	Thảo	24-Dec-03	51900393	7	7/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
359	Nguyễn Thùy	Mai	2-Aug-03	51900444	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
360	Nguyễn Thị Diệu	Uyên	18-May-03	51900456	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
361	Trương Thị Diễm	Quỳnh	5-Dec-02	51900460	8	8/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
362	Cao Văn Đăng	Khoa	17-Dec-01	51900472	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
363	Trương Ngọc Quang	Vinh	11-Apr-01	51900491	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
364	Lê Anh	Xuân	27-Jul-01	51900493	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
365	Lê Huy	Đức	21-Jan-04	51900503	6	6/5	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
366	Trần Ngọc Thanh	Dung	26-Jan-04	51900519	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
367	Lê Đức	Minh	20-Apr-04	51900524	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
368	Trần Bảo	Trân	25-Jan-04	51900529	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
369	Huỳnh Thị Vân	Dung	23-Jul-03	51900571	7	7/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
370	Nguyễn Minh	Hải	21-Mar-02	51900582	8	8/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
371	Nguyễn Văn	Thành	24-Feb-04	51900642	6	6/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
372	Nguyễn Hồng Hạnh	Nhi	26-Aug-02	51900704	8	8/5	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
373	Trần Như	Trúc	5-Jun-03	51900757	7	7/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
374	Lê Minh Bảo	Trân	20-May-03	51900795	7	7/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
375	Lê Ngọc	Mai	4-Jun-04	51900812	6	6/10	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
376	Nguyễn Trọng	Hiếu	1-Dec-02	51900839	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
377	Trần Cao Diễm	Thy	13-Apr-03	51900879	7	7/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
378	Nguyễn Lê Khánh	Ngân	12-Sep-04	51900891	6	6/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
379	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	27-Jan-03	51900929	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
380	Lê Thái Khánh	Nhi	6-Jul-04	51901004	6	6/4	THCS Trưng Vương	Hải Châu
381	Trần Vũ Uyên	Thy	31-Jan-04	51900279	6	6/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
382	Đặng Nguyễn Tường	Vi	10-Apr-04	51900281	6	6/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
383	Hoàng Gia	Minh	27-Aug-03	51900288	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
384	Nguyễn Hữu Nhật	Phương	2-Mar-03	51900292	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
385	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	9-Jan-02	51900299	8	8/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
386	Nguyễn Lê Thủy	Tiên	23-Apr-03	51900326	7	7/5	THCS Kim Đồng	Hải Châu
387	Nguyễn Hương	Giang	23-Sep-03	51900436	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
388	Huỳnh Nguyễn Anh	Thư	29-Nov-03	51900452	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
389	Huỳnh Trần Thanh	Trúc	23-Jul-03	51900455	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
390	Phạm Thị Xuân	Linh	15-Apr-01	51900473	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
391	Võ Ngọc Lam	Khương	29-Jan-03	51900628	7	7/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
392	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	6-Jan-04	51900665	6	6/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
393	Nguyễn Ngọc Nhật	Linh	17-Nov-03	51900672	7	7/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
394	Huỳnh Anh	Tuấn	20-May-03	51900697	7	7/5	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
395	Đặng Thông	Trí	4-Feb-04	51900743	6	6/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
396	Đoàn Tú	Sơn	6-Aug-02	51900848	8	8/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
397	Nguyễn Trần Anh	Khoa	21-Jan-03	51900854	7	7/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
398	Trần Hoàng Bảo	Lâm	4-May-02	51900861	8	8/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
399	Dương Nguyễn Như	Ngọc	14-May-02	51900862	8	8/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
400	Phạm Thanh	Nhã	26-Oct-02	51900863	8	8/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
401	Tăng Bảo	Ngọc	13-Jan-02	51900900	8	8/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
402	Lê Trí	Hiếu	8-Apr-02	51901011	8	8/7	THCS Trưng Vương	Hải Châu
403	Phan Thị Thảo	Ngân	11-Jun-03	51900289	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
404	Huỳnh Thị	Hạ	1-Mar-01	51900305	9	9/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
405	Trần Thị Thu	Hạnh	29-Aug-04	51900333	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
406	Trương Thị Thùy	Trinh	8-Aug-02	51900423	8	8/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
407	Mai Diệu	Hân	12-Mar-01	51900467	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
408	Nguyễn Phạm Phương	Uyên	3-Dec-02	51900593	8	8/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
409	Lê Nguyễn Vân	Nhi	27-Jun-04	51900641	6	6/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
410	Trần Thị Minh	Châu	20-Mar-04	51900660	6	6/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
411	Lê Thị Minh	Thuận	19-Nov-04	51900669	6	6/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
412	Phạm Hoàng	Vũ	27-Nov-02	51900708	8	8/5	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
413	Đinh Văn Tiên	Sơn	1-Jan-03	51900732	7	7/6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
414	Hoàng Ánh	Dung	15-Nov-03	51900748	7	7/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
415	Phạm Thị Trúc	Hạ	20-May-03	51900825	7	7/11	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
416	Lê Trần Minh	Châu	30-Apr-03	51900850	7	7/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
417	Nguyễn Dương	Phong	28-Feb-02	51900865	8	8/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
418	Thái Thị Hoàng	Yến	19-Sep-04	51900878	6	6/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
419	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	1-Jan-02	51900901	8	8/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
420	Nguyễn Minh	Duyên	5-Jul-03	51900922	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
421	Lê Khánh	Hương	15-Jul-03	51900924	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
422	Phan Ngọc Thùy	Linh	26-Apr-04	51900955	6	6/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
423	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	11-Oct-03	51900973	7	7/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
424	Phan Hà	Uyên	25-Oct-03	51900294	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
425	Nguyễn Hải Thục	Nhi	6-Feb-02	51900298	8	8/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
426	Nguyễn Thị Hoài	Phương	19-May-02	51900300	8	8/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
427	Phan Huỳnh Tiến	Đạt	8-Sep-04	51900330	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
428	Hồ Thành	Vinh	19-Dec-04	51900344	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
429	Trịnh Yến	Nhi	24-Dec-03	51900350	7	7/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
430	Trần Ngọc	Hưng	28-Jun-02	51900359	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
431	Nguyễn Thị Minh	Thư	9-Mar-03	51900394	7	7/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
432	Nguyễn Phan Hà	Vy	25-Feb-03	51900458	7	7/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
433	Hoàng Ngọc Tường	Vy	8-May-01	51900492	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
434	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	27-Aug-04	51900522	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
435	Trần Thủy Thảo	Nguyên	31-Oct-04	51900525	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
436	Phạm Phúc	Nguyên	13-May-04	51900526	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
437	Trần Đỗ Nguyên	Phương	8-Jul-04	51900527	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
438	Đoàn Khánh	Vân	21-Nov-02	51900546	8	8/8	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
439	Nguyễn Quốc	Bảo	13-Jan-04	51900566	6	6/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
440	Dương Huỳnh Anh	Thi	26-Sep-02	51900590	8	8/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
441	Đặng Ngọc Bảo	Nghi	23-May-03	51900651	7	7/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
442	Phan Thanh	Thiện	7-Jan-03	51900677	7	7/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
443	Ngô Ngọc Phương	Uyên	4-Oct-03	51900734	7	7/6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
444	Nguyễn Minh	Anh	7-Jul-03	51900745	7	7/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
445	Huỳnh Ngọc Nguyên	Hương	8-May-03	51900750	7	7/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
446	Nguyễn Lan	Anh	12-Jun-04	51900784	6	6/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
447	Nguyễn Lê Phương	Thảo	30-Nov-03	51900793	7	7/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
448	Vũ Sỹ	Luân	6-Jan-03	51900855	7	7/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
449	Phạm Thùy Nguyên	Thảo	3-Mar-03	51900934	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
450	Đỗ Vạn	Thịnh	17-Jul-04	51901102	6		THSC Nguyễn Huệ	Hải Châu
451	Đặng Hồng	Minh	25-May-03	51901106			THSC Sào Nam	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
452	Ưng Hoàng	Duy	5-Sep-03	51900284	7	7/1	THCS Kim Đồng	Hải Châu
453	Nguyễn Yến	Nhi	27-Sep-02	51900327	8	8/9	THCS Kim Đồng	Hải Châu
454	Lê Trương Hồng	Hải	20-Mar-04	51900332	6	6/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
455	Nguyễn Hồng	Ngọc	15-Jul-02	51900368	8	8/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
456	Đỗ Nhật	Mỹ	5-Jan-01	51900475	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
457	Tạ Hữu	Nhân	26-Aug-01	51900479	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
458	Lê Ngọc	Sơn	6-Jun-01	51900482	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
459	Nguyễn Nhật	Vy	4-Oct-04	51900542	6	6/8	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
460	Nguyễn Ngọc Mai	Khanh	14-Jun-04	51900661	6	6/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
461	Lê Minh	Thư	16-Jan-04	51900668	6	6/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
462	Đặng Hoàng Khánh	Nhi	13-Feb-03	51900674	7	7/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
463	Nguyễn Trí	Minh	2-Jan-04	51900717	6	6/6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
464	Hồ Minh	Trí	7-Jan-04	51900723	6	6/6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
465	Hoàng Phúc	Nguyên	24-Jun-04	51900740	6	6/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
466	Hồ Quỳnh	Anh	24-Apr-04	51900808	6	6/10	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
467	Nguyễn Minh	Quân	24-Oct-04	51900814	6	6/10	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
468	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	24-Feb-03	51900857	7	7/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
469	Phạm Trường	Nguyên	11-Sep-04	51900875	6	6/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
470	Trần Thị Tú	Quyên	23-Jul-04	51900876	6	6/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
471	Trần Đình Minh	Triết	16-Jul-04	51900897	6	6/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
472	Phan Thị Thanh	Trúc	5-Aug-03	51900975	7	7/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
473	Nguyễn Trần Phương	Uyên	2-Nov-03	51900978	7	7/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
474	Võ Nguyên	Tiên	18-Aug-02	51901023	8	8/9	THCS Trưng Vương	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
475	Nguyễn Thị Minh	Phương	31-Mar-03	51900351	7	7/1	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
476	Trần Lê Bảo	Vy	13-Nov-03	51900397	7	7/2	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
477	Phan Thùy	An	26-Dec-01	51900462	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
478	Phan Hoài	Khang	4-Dec-01	51900470	9	9/3	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
479	Lê Thị	Thảo	7-Feb-04	51900497	6	6/4	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
480	Phan Nguyễn Hoàng	Quân	16-Jul-03	51900513	7	7/5	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
481	Lê Hữu Cát	Miên	23-Jan-04	51900523	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
482	Trần Minh	Quân	10-Jan-04	51900528	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
483	Nguyễn Đức	Trí	10-Dec-04	51900530	6	6/6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
484	Lê Phùng Bảo	Trâm	30-Jul-04	51900541	6	6/8	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
485	Lê Thị Hồng	Ân	10-Oct-02	51900544	8	8/8	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
486	Lê Văn Đăng	Huy	10-Jun-02	51900545	8	8/8	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
487	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	8-Jul-04	51900552	6	6/9	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu
488	Lê Võ Hà	Mi	31-Dec-03	51900578	7	7/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
489	Nguyễn Gia	Huy	8-May-02	51900585	8	8/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
490	Đỗ Thùy	Quyên	8-Jul-02	51900589	8	8/1	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
491	Trương Văn	Khoa	22-Sep-04	51900612	6	6/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
492	Phạm Nhật	Thanh	8-Nov-04	51900616	6	6/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
493	Trần Thị Duy	Lộc	4-Nov-03	51900629	7	7/2	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
494	Nguyễn Phương	Nga	11-Oct-04	51900640	6	6/3	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
495	Nguyễn Nhật	Linh	9-Nov-04	51900662	6	6/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
496	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	1-May-04	51900666	6	6/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
497	Hoàng Minh	Hiếu	24-May-03	51900670	7	7/4	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
498	Lê Hoàng	Tùng	18-Aug-04	51900725	6	6/6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
499	Bùi Thanh	Tâm	5-Apr-04	51900742	6	6/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
500	Nguyễn Thanh	Vinh	18-Aug-04	51900744	6	6/7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
501	Hoàng Nguyễn Khánh	Quỳnh	30-Nov-04	51900787	6	6/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
502	Dương Ngọc Minh	Châu	17-Mar-02	51900797	8	8/9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
503	Thi Hoàng	Anh	12-Jun-03	51900849	7	7/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
504	Trần Văn	Hùng	4-Jul-03	51900852	7	7/12	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu
505	Triệu Dũng	Huy	20-Apr-04	51900873	6	6/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
506	Võ Cao Khánh	Linh	15-Nov-04	51900874	6	6/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
507	Lê Nguyễn Hoàng	Yến	18-Apr-01	51900886	9	9/1	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
508	Lê Nguyễn Thanh	Hằng	8-Jan-04	51900889	6	6/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
509	Tạ Khánh	Nguyên	14-Jul-04	51900892	6	6/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
510	Nguyễn Hữu Quỳnh	Trang	22-Nov-04	51900896	6	6/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
511	Nguyễn Thanh	Mai	15-Mar-03	51900898	7	7/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
512	Bạch Trương Quỳnh	Nhi	8-Jan-02	51900902	8	8/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
513	Trần Thị Anh	Thư	19-Dec-02	51900906	8	8/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
514	Đinh Thị Xuân	Thư	1-Mar-02	51900907	8	8/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
515	Huỳnh Trần Thục	Vy	8-Nov-01	51900908	9	9/3	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu
516	Trương Ngọc	Hân	24-Jan-04	51900911	6	6/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
517	Nguyễn Lê Phương	Thảo	22-Oct-03	51900933	7	7/1	THCS Trưng Vương	Hải Châu
518	Thi Lý Nhật	Duy	16-Feb-04	51900953	6	6/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
519	Nguyễn Đăng	Khoa	2-Aug-04	51900954	6	6/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
520	Phạm Trần Gia	Huy	2-Oct-03	51900966	7	7/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
521	Phạm Hoàng Thiên	Phúc	4-Jan-03	51900972	7	7/2	THCS Trưng Vương	Hải Châu
522	Thái Bảo	Kiệt	2-Aug-03	51901010	7	7/7	THCS Trưng Vương	Hải Châu
523	Nguyễn Đăng Hồng	Phúc	26-Dec-02	51901025	8		THCS Trưng Vương	Hải Châu
524	Đặng Xuân Minh	Hiếu	12-Mar-04	51901053	6	6/8	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
525	Bùi Anh	Duy	19-Oct-02	51901040	8	8/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
526	Đinh Thị Hoài	Thu	23-Jun-03	51901049	7	7/7	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
527	Võ Lê Quỳnh	Anh	6-Jul-02	51901039	8	8/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
528	Đoàn Kim	Khánh	6-Nov-02	51901042	8	8/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
529	Nguyễn Thị Minh	Tâm	10-Nov-02	51901044	8	8/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
530	Nguyễn Hữu Hùng	Dũng	22-Nov-04	51901052	6	6/8	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
531	Đặng Nguyễn Vân	Anh	11-Feb-01	51901047	9	9/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
532	Phạm Nguyễn Thanh	Thiên	27-Mar-04	51901057	6	6/8	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
533	Trần Lê Thanh	Huyền	26-Jan-02	51901041	8	8/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
534	Ngô Tiêu Linh	Đồng	2-May-01	51901033	9	9/5	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
535	Trương Bảo	Ngọc	13-Nov-02	51901043	8	8/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
536	Nguyễn Đức	Thiện	2-Sep-02	51901045	8	8/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
537	Nguyễn Ngọc Hà	An	24-Aug-01	51901029	9	9/5	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
538	Hoàng An	Khuyên	23-Mar-01	51901034	9	9/5	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
539	Nguyễn Song Bảo	Châu	7-Jul-01	51901032	9	9/5	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
540	Hồ Huỳnh	Ti Na	16-May-01	51901030	9	9/5	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
541	Đỗ Thị Như	Tuyết	5-Sep-01	51901037	9	9/5	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
542	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	22-Mar-02	51901046	8	8/6	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
543	Phan Thành	Lộc	26-Mar-04	51901026	6	6/3	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
544	Châu Thị Xuân	Lộc	1-Sep-01	51901035	9	9/5	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
545	Trần Thị Thu	Bình	10-Jul-01	51901031	9	9/5	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
546	Hoàng Bảo	Lâm	30-May-04	51901054	6	6/8	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
547	Phan Quang	Vinh	21-Sep-03	51901051	7	7/7	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
548	Đặng Nguyễn Ngọc	Toàn	17-Jul-04	51901058	6	6/8	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà
549	Trần Cát	Tường	3-Aug-01	51901086	9	9/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
550	Dư Lan	Phương	1-Sep-01	51901064	9	9/1	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
551	Trương Thục	Hiền	30-Oct-03	51901066	7	7/2	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
552	Lê Trần Thuận	An	17-Jul-01	51901077	9	9/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
553	Trương Hữu Bảo	Ngọc	28-Aug-01	51901062	9	9/1	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
554	Nguyễn Hoàng	Long	9-Jan-01	51901080	9	9/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
555	Trần Đình Nhật	Minh	19-May-01	51901082	9	9/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
556	Nguyễn Thị Trúc	Ly	1-Jan-01	51901081	9	9/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
557	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	13-Apr-01	51901079	9	9/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
558	Trương Thị Như	Ngọc	2-Feb-01	51901083	9	9/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
559	Nguyễn Lê Anh	Thi	3-Jun-01	51901084	9	9/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
560	Hàn Anh	Quân	16-Jul-03	51901070	7	7/2	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
561	Lê Quỳnh	Như	14-Feb-03	51901069	7	7/2	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
562	Nguyễn Phạm Duy	Uyên	10-Aug-01	51901076	7	7/5	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
563	Bùi Vĩnh Bảo	Ngọc	9-Jan-03	51901068	7	7/2	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê
564	Tôn Nữ Huyền	Trân	13-Jun-03	51901075	7	7/4	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê